

Số: *352*/QĐ-ĐHPY

Phú Yên, ngày *08* tháng *9* năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Chương trình đào tạo ngành Giáo dục Mầm non
trình độ cao đẳng, hệ chính quy, khóa tuyển sinh 2021**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Giáo dục Đại học số 42/VBHN-VPQH, ngày 10 tháng 12 năm 2018;

Căn cứ Quyết định số 112/QĐ-TTg, ngày 24 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Phú Yên;

Căn cứ Quyết định số 751/QĐ-UBND, ngày 12 tháng 4 năm 2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên về việc phân công phụ trách Trường Đại học Phú Yên;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT, ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT, ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 276/QĐ-ĐHPY, ngày 05 tháng 7 năm 2021 ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Phú Yên;

Căn cứ Quyết định số 335/QĐ-ĐHPY ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Phú Yên về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Phú Yên;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo và Trưởng khoa Khoa Giáo dục Mầm non Trường Đại học Phú Yên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo ngành **Giáo dục Mầm non (mã số 51140201)** trình độ cao đẳng hệ chính quy, khoá tuyển sinh 2021.

Điều 2. Căn cứ chương trình này, các khoa, bộ môn có trách nhiệm tổ chức cho giảng viên xây dựng *Đề cương chi tiết học phần* để sử dụng chính thức trong giảng dạy. Chương trình này được công bố công khai cho sinh viên thuộc ngành đào tạo biết khi bắt đầu khóa học.

Điều 3. Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng khoa Khoa Giáo dục Mầm non, các phòng, khoa, bộ môn có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu ĐT, VT.



TS. Nguyễn Định

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 352/QĐ-ĐHPY ngày 08 tháng 9 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Phú Yên)

Tên chương trình: GIÁO DỤC MẦM NON

(Early childhood Education)

Trình độ đào tạo: CAO ĐẲNG

Ngành đào tạo: GIÁO DỤC MẦM NON

(Early childhood Education)

Mã số: 51140201

Loại hình đào tạo: HỆ CHÍNH QUY

Loại bằng: CỬ NHÂN CAO ĐẲNG

Khoa quản lý: KHOA GIÁO DỤC MẦM NON

Website: www.pyu.edu.vn

1. Giới thiệu chương trình đào tạo

- *Triết lý giáo dục của Trường Đại học Phú Yên: “Chất lượng - Hiệu quả - Sáng tạo - Vì cộng đồng”.*

- *Về chương trình và ngành đào tạo:*

+ Triết lý chung của chương trình: Chất lượng – Linh hoạt – Đáp ứng yêu cầu xã hội.

+ Chương trình đào tạo ngành Giáo dục Mầm non được xây dựng và phát triển từ năm 2004, liên tục được bổ sung, điều chỉnh theo từng khóa học để bắt kịp với xu thế đổi mới giáo dục. Nội dung chương trình đào tạo đảm bảo sinh viên ra trường có kiến thức và kỹ năng đạt chuẩn giáo viên Mầm non, sẵn sàng thích ứng với nghề nghiệp và cuộc sống.

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng ngành Giáo dục mầm non (GDMN) nhằm đào tạo giáo viên mầm non (GVMN) có kiến thức chuyên môn cơ bản, tư tưởng đạo đức tốt, năng lực, phẩm chất nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu phát triển của GDMN trong điều kiện nền kinh tế tri thức, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc ngành GDMN.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Về kiến thức

- PO1: Sinh viên hiểu về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội trong mối liên hệ với khoa học giáo dục mầm non.

- PO2: Sinh viên vận dụng kiến thức chuyên ngành vào hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non.

- PO3: Sinh viên vận dụng được kiến thức nghiệp vụ để xây dựng kế hoạch chăm sóc và giáo dục trẻ tại cơ sở GDMN.

- PO4: Sinh viên có kiến thức cơ bản về xây dựng môi trường văn hóa dân chủ, an toàn, thân thiện.

2.2.2. Về kỹ năng

- PO5: Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ trong các cơ sở GDMN.

- PO6: Tạo ra các sản phẩm đồ dùng dạy học cho trẻ mầm non.

- PO7: Quản lý cơ sở vật chất và hồ sơ nghiệp vụ về chăm sóc giáo dục trẻ mầm non.

- PO8: Quan sát và đánh giá được kết quả chăm sóc giáo dục trẻ mầm non.

2.2.3. Về thái độ

- PO9: Có đạo đức nhân cách lối sống tốt, yêu nghề yêu trẻ, khắc phục khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ.

- PO10: Có ý thức tự học tự rèn luyện vươn lên trong chuyên môn nghề nghiệp.

2.2.4. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Có khả năng hướng dẫn và phối hợp với đồng nghiệp thực hiện việc chăm sóc giáo dục trẻ tại các cơ sở GDMN.

- Có khả năng xử lý các tình huống trong hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ mầm non.

2.2.5. Vị trí việc làm sau tốt nghiệp

- Làm giáo viên tại các trường và cơ sở GDMN.

- Tổ chức, quản lý, điều hành phát triển các cơ sở GDMN.

- Chuyên viên giáo dục ở các Phòng, Sở Giáo dục và Đào tạo

2.2.6. Khả năng học tập nâng cao

Học liên thông lên trình độ Đại học ngành GDMN.

3. Chuẩn đầu ra

Theo Quyết định số 277/QĐ-ĐHPY ngày 12 tháng 07 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Phú Yên về việc ban hành chuẩn đầu ra các chương trình đào tạo trình độ đại học, cao đẳng hệ chính quy, khóa tuyển sinh năm.

3.1. Chuẩn đầu ra chung– PLO0: (theo Quyết định số 277/QĐ-ĐHPY, ngày 12 tháng 07 năm 2021)

3.2. Về kiến thức

- PLO1: Vận dụng kiến thức khoa học tự nhiên, xã hội vào các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ.

- PLO2: Vận dụng kiến thức chuyên ngành và khoa học GDMN vào các hoạt động giáo dục phát triển toàn diện (thể chất, tình cảm xã hội, thẩm mỹ, vui chơi, nhận thức và ngôn ngữ) cho trẻ.

- PLO3: Xây dựng được kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ và giáo dục trẻ ở các trường và cơ sở GDMN.

- PLO4: Vận dụng kiến thức về xây dựng môi trường văn hóa dân chủ, an toàn, thân thiện và phối hợp với gia đình phụ huynh học sinh, xã hội thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và bảo vệ quyền lợi của trẻ trong các cơ sở GDMN.

3.3. Về kỹ năng

- PLO5: Thực hiện chính xác các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ ở các trường và cơ sở GDMN.

- PLO6: Quan sát, đánh giá chính xác sự phát triển của trẻ thông qua các hoạt động hằng ngày ở cơ sở giáo dục.

- PLO7: Lập được chính xác kế hoạch giáo dục, chương trình giáo dục trong nhóm, lớp hướng tới sự phát triển toàn diện của trẻ.
- PLO8: Thao tác được trong việc thiết kế, làm và sử dụng đồ dùng dạy học.
- PLO9: Thao tác được công việc quản lý cơ sở vật chất, hệ thống hồ sơ sổ sách phục vụ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ theo quy định.

3.4. Về thái độ

- PLO10: Yêu thương, tôn trọng, công bằng, gần gũi với trẻ.
- PLO11: Có tinh thần tự học, rèn luyện và phấn đấu nâng cao phẩm chất đạo đức nhà giáo.

3.5. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Thực hiện hoặc phối hợp với đồng nghiệp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ trong các cơ sở giáo dục trẻ mầm non.
- Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ trong các cơ sở giáo dục trẻ mầm non.
- Có khả năng xử lý được các tình huống bất thường xảy ra trong quá trình nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ trong các cơ sở giáo dục trẻ mầm non.

Bảng 3.1: Quan hệ đáp ứng giữa chuẩn đầu ra với mục tiêu của CTĐT.

Mục tiêu POs	Chuẩn đầu ra PLOs										
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
PO1	X										
PO2		X									
PO3			X								
PO4				X							
PO5					X		X				
PO6								X			
PO7									X		
PO8						X					
PO9										X	
PO10											X
PO11					X						

4. Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương. Các quy định khác theo quy chế Quy chế tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non.

5. Khối lượng kiến thức toàn khóa:

Tổng số tín chỉ toàn khóa là **100** tín chỉ bao gồm các học phần bắt buộc và học phần tự chọn (chưa kể Giáo dục thể chất 3 tín chỉ và Giáo dục quốc phòng – an ninh 8 tín chỉ).

STT	Cấu trúc kiến thức của chương trình	Tín chỉ	Tín chỉ bắt buộc	Tín chỉ tự chọn
1	Kiến thức giáo dục đại cương (chưa kể Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng-an ninh)	34	26	8
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	65	57	8
2.1	Kiến thức cơ sở ngành	18	14	4
2.2	Kiến thức ngành/chuyên ngành	29	25	4
2.3	Kiến thức nghiệp vụ sư phạm	12	12	0
2.4	Thực tập sư phạm	6	6	0
Tổng cộng		99	83	16

8. Phương pháp đánh giá

Đánh giá kết quả học tập của sinh viên là quá trình theo dõi ghi chép, lưu giữ và cung cấp thông tin về sự tiến bộ của người học trong suốt quá trình dạy học đảm bảo nguyên tắc rõ ràng, chính xác, khách quan và phân hóa, thường xuyên liên tục và định kỳ.

Các phương pháp đánh giá được sử dụng trong chương trình đào tạo được chia thành 2 nhóm chính là đánh giá theo tiến trình (On-going/Formative Assessment) và đánh giá tổng kết/định kỳ (Summative Assessment).

8.1. Đánh giá theo tiến trình: Các phương pháp đánh giá cụ thể gồm: *Chuyên cần, Bài tập, Thuyết trình,*

8.2. Đánh giá tổng kết/định kỳ: Các phương pháp đánh giá cụ thể gồm: *Kiểm tra viết, Kiểm tra trắc nghiệm, Thi vấn đáp, Báo cáo, Thuyết trình, Đánh giá làm việc nhóm,*

Bảng 8.1. Quan hệ giữa các phương pháp đánh giá với Chuẩn đầu ra (PLOs) của chương trình đào tạo

Phương pháp đánh giá (Assessment methods)		PLOs										
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
I	Đánh giá tiến trình											
1	Đánh giá chuyên cần	X	X	X	X	X	X		X		X	X
2	Đánh giá bài tập	X	X	X	X	X	X	X		X	X	X
3	Đánh giá thuyết trình	X	X	X	X		X	X		X		X
4	Đánh giá hoạt động	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
II	Đánh giá tổng kết/định kỳ											
4	Kiểm tra/thi viết	X	X		X	X		X		X		X
5	Kiểm tra/thi trắc nghiệm											X
6	Kiểm tra/ thi vấn đáp										X	X
7	Kiểm tra thực hành								X			X
8	Báo cáo, tiểu luận		X				X	X		X	X	X
9	Đánh giá làm việc nhóm			X		X	X	X	X	X	X	X

9. Nội dung chương trình

Bảng 9.1: Nội dung chương trình đào tạo

STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết				Điều kiện tiên quyết (Số thứ tự HP)
				LT	BT/ TL	TH/ TT	Tự học (nếu có)	
9.1	Kiến thức giáo dục đại cương		34	394	96	40	0	
9.1.1	Lý luận chính trị		11	114	51	0	0	
1	LC211013	Triết học Mác– Lênin	3	30	15	0	0	
2	LC212112	Kinh tế chính trị Mác– Lênin	2	20	10	0	0	1
3	LC213112	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	20	10	0	0	2
4	LC224112	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	22	8	0	0	3
5	LC220012	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	22	8	0	0	4
9.1.2	Ngoại ngữ		8	80	40	0	0	
6	NG216203	Tiếng Anh 1 (A2.1)	3	30	15	0	0	
7	NG216213	Tiếng Anh 2 (A2.2)	3	30	15	0	0	6
8	NG216222	Tiếng Anh 3 (A2.3)	2	20	10	0	0	7

9.1.3	Khoa học xã hội và nhân văn		8	115	5	0		
	- Bắt buộc:		4	55	5	0		
9	XH216212	Tiếng Việt	2	25	5	0	0	
10	LC230012	Pháp luật đại cương	2	30	0	0	0	
	- Tự chọn: chọn 4/8 tín chỉ		4	60	0	0	0	
11	LC220142	Đạo đức học	2	30	0	0	0	1
12	LC210132	Mỹ học đại cương	2	30	0	0	0	1
13	XH240012	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	30	0	0	0	
14	TN243012	Môi trường và con người	2	30	0	0	0	
9.1.4	Khoa học tự nhiên và công nghệ		7	85	0	40	0	
15	KC200073	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản	3	25	0	40	0	
16	TN214022	Cơ sở lý thuyết tập hợp và logic toán	2	30	0	0	0	
17	TN242092	Sự phát triển thể chất trẻ em	2	30	0	0	0	
9.1.5	Giáo dục thể chất		3	0	0	90	0	
18	TC220011	Giáo dục thể chất 1 (Thể dục)	1	0	0	30	0	
19	TC221011	Giáo dục thể chất 2 (Điền kinh)	1	0	0	30	0	18
20	TC222011	Giáo dục thể chất 3 (Thể thao tự chọn cơ bản)	1	0	0	30	0	19
9.1.6	Giáo dục quốc phòng – an ninh							
21	TC260018	Giáo dục quốc phòng – an ninh	8	8 tín chỉ = 165 tiết				
9.2.	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		65	535	35	600	0	
9.2.1	Kiến thức cơ sở ngành		18	200	10	120	0	
	-Bắt buộc:		14	140	10	120	0	
22	NT210702	Âm nhạc	2	15	0	30	0	
23	NT220802	Mỹ thuật	2	15	0	30	0	
24	XH210192	Văn học trẻ em	2	30	0	0	0	
25	MN223422	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ	2	30	0	0	0	
26	MN223452	Vệ sinh – Chăm sóc trẻ	2	15	0	30	0	25
27	MN223442	Dinh dưỡng trẻ em	2	20	10	0	0	25
28	MN223462	Tổ chức hoạt động trải nghiệm cho trẻ	2	15	0	30	0	
	-Tự chọn: chọn 4/8 tín chỉ		4	60	0	0	0	
29	SP210072	Giao tiếp với trẻ	2	30	0	0	0	48
30	TN246132	Giáo dục giới tính trẻ	2	30	0	0	0	
31	SP210582	Giáo dục hòa nhập	2	30	0	0	0	50
32	MN223092	Giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ mầm non	2	30	0	0	0	
9.2.2	Kiến thức ngành		29	225	0	390	0	
	- Bắt buộc:		25	195	0	330	0	
33	NT210732	Kỹ thuật hát và Múa	2	0	0	60	0	
34	SP210572	Tổ chức hoạt động vui chơi	2	15	0	30	0	47
35	NT211802	Phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc	2	15	0	30	0	22
36	NT221802	Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình	2	15	0	30	0	23,41
37	TC243102	Phương pháp giáo dục thể chất	2	15	0	30	0	17
38	MN222113	Phương pháp tổ chức hoạt động hình thành biểu tượng toán cho trẻ	3	30	0	30	0	
39	MN221032	Phương pháp tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen tác phẩm văn học	2	15	0	30	0	24

HP10	R													
HP11	A		A	A		M				A	A			
HP12	R									A	A			
HP13	R													
HP14	R			M										
HP15	A			R		M	M	M	M		A			
HP16	R		A				M							
HP17	A					M				R				
HP18	M		M	A		M	A		R					
HP19	M													
HP20	M													
HP21	M													
HP22		A												
HP23		A						A						
HP24		A						A						
HP25		M	M		A		A			R				
HP26		A	A	A	A	A	A			A				
HP27		A	A	A	A	A	A		R					
HP28		A	M	A	A	M	M	M	R					
HP29		A	A	A	A	A	M			A				
HP30		M	M		R									
HP31		M	R		R									
HP32		A	A	M	M		M							
HP33		A	M		M	A	A		A					
HP34		A	A		A	A	A	A		R				
HP35		A	A		A	A	A	M		R				
HP36		A	A		A	A	A	M		R				
HP37		A	A		A	A	A	M		R				
HP38		A	A		A	A	A	M		R				
HP39		A	A		A	A	A	M		R				
HP40		A	A		A	A	A	M		R				
HP41		A	A		A	A	A	M		R				
HP42		A	A		A	R	A	A						
HP43		M	M				M							
HP44		M												
HP45		M												
HP46		M						A						
HP47		M												
HP48		M			M					M				
HP49		A	A		A	M	A			A	M			
HP50		M									M			
HP51		A	A		M		A				M			
HP52		A	A											
HP53		A	A						A		A			
HP54		A	A		A	A			A	A	A			
HP55		A	A	A	A	A	A	A	A	A	A			
HP56		A	A	A	A	A	A	A	A	A	A			

10. Kế hoạch giảng dạy (Dự kiến)**10.1. Học kỳ I: 17 TC (bắt buộc)**

TT	Mã HP	Học phần	Số TC	Số tiết				Ghi chú
				LT	BT/TL	TH/TT	Tự học (nếu có)	
1	LC211013	Triết học Mác-Lênin	3	30	15	0	0	
2	NG216203	Tiếng Anh 1 (A2.1)	3	30	15	0	0	
3	TC220011	Giáo dục thể chất 1 (Thể dục)	1	0	0	30	0	
4	KC200073	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản	3	25	0	40	0	
5	XH216212	Tiếng Việt	2	25	5	0	0	
6	NT210702	Âm nhạc	2	15	0	30	0	
7	NT220802	Mỹ thuật	2	15	0	30	0	
8	TN214022	Cơ sở lý thuyết tập hợp và logic toán	2	30	0	0	0	
Tổng cộng			17	170	35	100	0	

10.2. Học kỳ II: 18TC (bắt buộc: 14 TC, tự chọn: 4TC)

TT	Mã HP	Học phần	Số TC	Số tiết				Ghi chú
				LT	BT/TL	TH/TT	Tự học (nếu có)	
- Bắt buộc:			14	160	35	30	0	
1	LC212112	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	20	10	0	0	
2	NG216213	Tiếng Anh 2 (A2.2)	3	30	15	0	0	
3	TC221011	Giáo dục thể chất 2 (Điền kinh)	1	0	0	30	0	
4	LC230012	Pháp luật đại cương	2	30	0	0	0	
5	SP210012	Tâm lý học đại cương	2	25	5	0	0	
6	SP210042	Tâm lý học trẻ em	2	25	5	0	0	
	XH210192	Văn học trẻ em	2	30	0	0	0	
7	MN210011	Rèn luyện NVSP thường xuyên 1	1	0	0	30	0	
- Tự chọn:			4	60	0	0	0	
8	LC220142	Đạo đức học	2	30	0	0	0	Chọn 4/8TC
19	LC210132	Mỹ học đại cương	2	30	0	0	0	
10	XH240012	Cơ sở văn hóa Việt Nam.	2	30	0	0	0	
11	TN243012	Môi trường và con người	2	30	0	0	0	
Tổng cộng			18	220	35	30	0	

10.3. Học kỳ III: 17TC (bắt buộc)

TT	Mã HP	Học phần	Số TC	Số tiết				Ghi chú
				LT	BT/TL	TH/TT	Tự học (nếu có)	
1	LC213112	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	20	10	0	0	
2	NG216222	Tiếng Anh 3 (A2.3)	2	20	10	0	0	
3	TC222011	Giáo dục thể chất 3 (Thể thao tự chọn cơ bản)	1	0	0	30	0	
4	SP210532	Giáo dục học đại cương	2	25	5	0	0	

5	NT220822	Làm đồ chơi cho trẻ	2	15	0	30	0	
6	TN242092	Sự phát triển thể chất trẻ em	2	30	0	0	0	
7	SP210572	Tổ chức hoạt động vui chơi	2	15	0	30	0	
8	MN223442	Dinh dưỡng trẻ em	2	20	10	0	0	
9	MN210021	Rèn luyện NVSP thường xuyên 2	1	0	0	30	0	
10	MN223452	Vệ sinh - Chăm sóc trẻ	2	15	0	30	0	
Tổng cộng			17	160	35	120	0	

10.4. Học kỳ IV: 16TC (bắt buộc: 12 TC, tự chọn: 4 TC)

TT	Mã HP	Học phần	Số TC	Số tiết				Ghi chú
				LT	BT/TL	TH/TT	Tự học (nếu có)	
- Bắt buộc:			12	87	18	90	0	
1	LC224113	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	22	8	0	0	
2	SP210543	Giáo dục học mầm non	3	35	10	0	0	
3	TC243102	Phương pháp giáo dục thể chất	2	15	0	30	0	
4	MN221032	Phương pháp tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học	2	15	0	30	0	
5	TC260018	Giáo dục quốc phòng – an ninh	8	8 tín chỉ = 165 tiết				
6	MN210031	Rèn luyện NVSP thường xuyên 3	1	0	0	30	0	
7	DT200012	Thực tập sư phạm 1	2	0	0	90 h		2 tuần
- Tự chọn:			4	60	0	0	0	
8	SP210072	Giao tiếp với trẻ	2	30	0	0	0	Chọn 4/8TC
9	SP210582	Giáo dục hòa nhập	2	30	0	0	0	
10	TN246132	Giáo dục giới tính	2	30	0	0	0	
11	MN223092	Giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ mầm non	2	30	0	0	0	
Tổng cộng			16	147	18	90+ 90 giờ	0	

10.5. Học kỳ V: 17TC (bắt buộc)

TT	Mã HP	Học phần	Số TC	Số tiết				Ghi chú
				LT	BT/TL	TH/TT	Tự học (nếu có)	
1	LC220012	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	22	8	0	0	
2	MN223212	Phương pháp hướng dẫn trẻ khám phá môi trường xung quanh	2	15	0	30	0	
3	MN221013	Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ	3	30	0	30	0	
4	NT211802	Phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc	2	15	0	30	0	
5	NT221802	Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình	2	15	0	30	0	
6	MN222113	Phương pháp tổ chức hoạt động hình thành biểu tượng toán cho trẻ	3	30	0	30	0	
7	MN223521	Trải nghiệm thực tế (1 tuần)	1	0	0	45 giờ	0	1 tuần
8	MN220052	Chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1	2	30	0	0	0	
Tổng cộng:			17	157	8	150+ 45 giờ	0	

10.6. Học kỳ VI: 14TC (bắt buộc: 10TC, tự chọn: 4 TC)

TT	Mã HP	Học phần	Số TC	Số tiết				Ghi chú
				LT	BT/TL	TH/TT	Tự học (nếu có)	
-Bắt buộc:			10	45	0	90	0	
1	MN223462	Tổ chức hoạt động giáo dục trải nghiệm cho trẻ	2	15	0	30	0	
2	MN223422	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ	2	30	0	0	0	
3	NT210732	Kỹ thuật hát và múa	2	0	0	60	0	
4	DT200024	Thực tập sư phạm 2	4	0	0	180 giờ	0	4 tuần
-Tự chọn:			4	30	0	60	0	
5	NT210712	Đàn phím điện tử	2	15	0	30	0	Chọn 4/8TC
6	NT220722	Nghệ thuật tạo hình	2	15	0	30	0	
7	TC210082	Thẻ đục nhịp điệu cho trẻ mầm non	2	15	0	30	0	
8	MN223082	Giáo dục môi trường cho trẻ mầm non	2	15	0	30	0	
Tổng cộng:			14	75	0	150+ 180 giờ	0	

11. Mô tả vắn tắt nội dung và khối lượng các học phần**11.1. Triết học Mác-Lênin****3TC**

Điều kiện tiên quyết: Không

Khái quát về triết học, Triết học Mác-Lênin và vai trò của Triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội.

Những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng: vật chất và ý thức, phép biện chứng duy vật, lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng.

Những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử: hình thái kinh tế xã hội, giai cấp và dân tộc, nhà nước và cách mạng xã hội, triết học về con người.

Học phần trang bị cho sinh viên thế giới quan, phương pháp luận khoa học để sinh viên học tập và tự học các học phần Lý luận chính trị tiếp theo (Kinh tế chính trị Mác-Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh) và các học phần thuộc ngành, chuyên ngành trong chương trình đào tạo.

11.2. Kinh tế chính trị Mác-Lênin**2TC**

Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác-Lênin

Kinh tế chính trị Mác-Lênin là một trong ba bộ phận hợp thành của chủ nghĩa Mác - Lênin, có quan hệ mật thiết với Triết học Mác - Lênin và Chủ nghĩa xã hội khoa học.

Kinh tế chính trị Mác-Lênin là môn khoa học cơ bản, làm cơ sở cho việc xác định đường lối, chính sách kinh tế của nhà nước; làm cơ sở cho việc nghiên cứu các môn khoa học kinh tế ngành và quản lý kinh tế.

Kinh tế chính trị Mác - Lênin cung cấp hệ thống tri thức lý luận về: Hàng hoá, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

Học phần trang bị cho sinh viên thế giới quan, phương pháp luận khoa học để sinh viên học tập và tự học các học phần Lý luận chính trị tiếp theo (Chủ nghĩa xã hội khoa học,

Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh) và các học phần thuộc ngành, chuyên ngành trong chương trình đào tạo.

11.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học

2TC

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế chính trị Mác-Lênin.

Học phần cung cấp những tri thức cơ bản về Chủ nghĩa xã hội khoa học (một trong ba bộ phận cấu thành Chủ nghĩa Mác-Lênin): quá trình hình thành, phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học; Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Cơ cấu xã hội-giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Học phần trang bị cho sinh viên thế giới quan, phương pháp luận khoa học để sinh viên học tập và tự học các học phần Lý luận chính trị tiếp theo (Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh) và các học phần thuộc ngành, chuyên ngành trong chương trình đào tạo.

11.4. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

2TC

Điều kiện tiên quyết: Chủ nghĩa xã hội khoa học.

Trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018).

Góp phần khẳng định những thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Học phần trang bị cho sinh viên thế giới quan, phương pháp luận khoa học để sinh viên học tập và tự học học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh và các học phần thuộc ngành, chuyên ngành trong chương trình đào tạo.

11.5 Tư tưởng Hồ Chí Minh

2TC

Điều kiện tiên quyết: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh gồm 6 chương cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh; Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển Tư tưởng Hồ Chí Minh; Về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Về Đảng Cộng sản và Nhà nước Việt Nam; Về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Về văn hóa, đạo đức, con người.

Học phần trang bị cho sinh viên thế giới quan, phương pháp luận khoa học để sinh viên học tập và tự học các học phần thuộc ngành, chuyên ngành trong chương trình đào tạo.

11.6. Tiếng Anh 1 (A2.1)

3TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần Tiếng Anh 1 cung cấp cho sinh viên kiến thức về ngôn ngữ, văn hóa và giao tiếp xã hội của các nước nói tiếng Anh; trang bị cho sinh viên các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh ở đầu trình độ sơ cấp (A2.1) trong đó bao gồm cả phần rèn luyện ngữ âm, ngữ pháp và phát triển vốn từ vựng tương ứng với chuẩn bậc 2 theo khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam.

11.7. Tiếng Anh 2 (A2.2)**3TC**

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh 1.

Học phần Tiếng Anh 2 cung cấp cho sinh viên kiến thức về ngôn ngữ, văn hóa và giao tiếp xã hội của các nước nói tiếng Anh; trang bị cho sinh viên các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh ở giữa trình độ sơ cấp (A2.2) trong đó bao gồm cả phần rèn luyện ngữ âm, ngữ pháp và phát triển vốn từ vựng tương ứng với chuẩn bậc 2 theo khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam.

11.8. Tiếng Anh 3 (A2.3)**2TC**

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh 2.

Học phần Tiếng Anh 3 cung cấp cho sinh viên kiến thức về ngôn ngữ, văn hóa và giao tiếp xã hội của các nước nói tiếng Anh; trang bị cho sinh viên các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh ở cuối trình độ sơ cấp bậc 2 (A2.3) trong đó bao gồm cả phần rèn luyện ngữ âm, ngữ pháp và phát triển vốn từ vựng tương ứng với chuẩn bậc 2 theo khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam.

11.9. Tiếng Việt**2TC**

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung môn học bao gồm: Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về Ngữ âm Tiếng Việt, Từ vựng Tiếng Việt, Ngữ pháp, Phong cách học Tiếng Việt. Trang bị cho sinh viên công cụ để dạy đúng nội dung phát triển ngôn ngữ cho trẻ ở trường mầm non.

11.10. Pháp luật đại cương**2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật như nguồn gốc, bản chất, chức năng, các kiểu và hình thức của nhà nước và pháp luật. Các vấn đề về Nhà nước và pháp luật Việt Nam như: tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam; về kết cấu, cách xây dựng và áp dụng quy phạm pháp luật ở Việt Nam; về một số nội dung cơ bản của một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

Học phần này làm cơ sở lý luận cho sinh viên tiếp cận các học phần về Quản lý nhà trường; Soạn thảo văn bản; các học phần pháp luật chuyên ngành.

11.11. Đạo đức học**2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác– Lênin

Học phần cung cấp cho sinh viên hệ thống những tri thức cơ bản của đạo đức học như: nguồn gốc, tính chất, vai trò, nhiệm vụ của đạo đức, về phạm trù đạo đức, những nguyên tắc và những chuẩn mực đạo đức cần phải rèn luyện và giáo dục.

11.12. Mỹ học đại cương**2TC**

Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác– Lênin

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, hiện đại, có hệ thống và tương đối toàn diện về mỹ học, từ đó giúp cho sinh viên có ý thức và khả năng cảm thụ, đánh giá, sáng tạo cái đẹp cho cuộc sống, cho bản thân và cho nghệ thuật; góp phần xây dựng đời sống thẩm mỹ của sinh viên ngày càng phong phú và lành mạnh

11.13. Cơ sở văn hoá Việt Nam**2 TC**

Điều kiện tiên quyết: không

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về văn hoá học và văn hoá Việt Nam, về tiến trình văn hoá Việt Nam, các thành tố văn hoá Việt Nam, như văn hoá nhận thức, văn hoá tổ chức đời sống, văn hoá ứng xử với môi trường tự nhiên và xã hội....

Học phần cũng trang bị những kỹ năng, phương pháp tiếp cận tìm hiểu và nghiên cứu những vấn đề của văn hoá Việt Nam.

11.14. Môi trường và con người**2TC**

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần bao gồm các kiến thức khái quát về môi trường, các chức năng chủ yếu của môi trường, vấn đề về ô nhiễm môi trường (hiệu ứng nhà kính, suy giảm tầng ôzôn...), vấn đề về tài nguyên thiên nhiên, vấn đề dân số, lương thực – thực phẩm, vấn đề năng lượng và sự phát triển bền vững, mối quan hệ giữa con người và môi trường. Vấn đề giáo dục môi trường trong trường mầm non: phương pháp tiếp cận và các nội dung, hình thức tổ chức giáo dục môi trường cho trẻ mầm non.

11.15. Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản

3TC

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức và các kỹ năng cơ bản về Công nghệ thông tin, nội dung bao gồm:

- Kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin (CNTT) cơ bản: máy tính và mạng máy tính, các ứng dụng của CNTT và truyền thông, các vấn đề an toàn thông tin cơ bản khi làm việc với máy tính.

- Cách sử dụng máy tính cơ bản: các hiểu biết cơ bản để bắt đầu làm việc với máy tính, làm việc với Hệ điều hành, quản lý thư mục và tệp, một số phần mềm tiện ích, sử dụng máy in.

- Sử dụng Internet cơ bản: giới thiệu mạng máy tính, mạng Internet, một số công cụ tìm kiếm, trình duyệt web, thư điện tử.

- Soạn thảo văn bản bằng phần mềm Microsoft Word; trình bày báo cáo, bài thuyết trình bằng phần mềm Microsoft Powerpoint; xử lý bảng tính bằng phần mềm Microsoft Excel.

11.16. Cơ sở lý thuyết tập hợp và logic toán

2TC

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung môn học bao gồm: Các kiến thức về tập hợp, logic, số tự nhiên, các hình hình học và thống kê toán. Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về toán học để hình thành biểu tượng Toán cho trẻ.

11.17. Sự phát triển thể chất trẻ em

2TC

Điều kiện tiên quyết: không

Khái niệm cơ bản về sự phát triển sinh lý trẻ em; các thời kỳ phát triển của cơ thể trẻ em, các chỉ số đánh giá, yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển cơ thể trẻ; đặc điểm sinh lý và vệ sinh bảo vệ các hệ cơ quan cơ thể trẻ em lứa tuổi mầm non (hệ thần kinh, hệ phân tích, hệ cơ, hệ hô hấp, hệ tuần hoàn, hệ tiêu hóa, hệ nội tiết và sinh dục).

11.18. Giáo dục thể chất 1 (Thể dục)

1 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần cung cấp cho sinh viên hệ thống các động tác của bài thể dục phát triển chung, bài thể dục nhào lộn, bài thể dục nhảy dây ngắn nhằm giúp cho sinh viên rèn luyện sức khỏe tốt, phát triển các tổ chất thể lực.

11.19. Giáo dục thể chất 2 (Điền kinh)

1 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục thể chất 1 (Thể dục)

Học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về ý nghĩa, tác dụng và kỹ thuật của môn đẩy tạ kiểu lưng hướng ném, môn nhảy xa kiểu ưỡn thân, một số điều luật thi đấu môn nhảy xa và đẩy tạ.

11.20. Giáo dục thể chất 3 (Thể thao tự chọn cơ bản) 1 TC

11.20.1. Cầu lông 1

1 TC

Điều kiện tiên quyết: Thể dục, Điền kinh.

Trang bị cho sinh viên những kiến thức về lịch sử sự ra đời và phát triển môn cầu lông; kiến thức kỹ thuật cơ bản của môn cầu lông; phổ biến một số điều luật về sân bãi, dụng cụ và thi đấu đơn.

- 11.20.2. Bóng chuyên 1** **1TC**
 Điều kiện tiên quyết: Thể dục, Điền kinh.
 Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết về ý nghĩa, tác dụng, kỹ thuật của môn bóng chuyên; phổ biến một số điều luật cơ bản.
- 11.21.3. Bóng đá 1** **1TC**
 Điều kiện tiên quyết: Thể dục, Điền kinh.
 Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết về ý nghĩa, tác dụng, kỹ thuật của môn bóng đá; phổ biến luật bóng đá 5 người; phương pháp tổ chức thi đấu và công tác trọng tài.
- 11.20.4. Bóng bàn 1** **1TC**
 Điều kiện tiên quyết: Thể dục, Điền kinh.
 Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết về ý nghĩa, tác dụng, kỹ thuật của môn bóng bàn; phổ biến luật thi đấu đơn.
- 11.20.5. Võ Cổ truyền 1** **1TC**
 Điều kiện tiên quyết: Thể dục, Điền kinh.
 Trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản môn Võ thuật cổ truyền Việt Nam; nắm được ý nghĩa, tác dụng của việc luyện tập các môn học này đối với cơ thể con người, vận dụng môn học để rèn luyện nhằm nâng cao các tố chất thể lực cho cơ thể.
- 11.21. Giáo dục quốc phòng – an ninh** **8TC**
 Nội dung ban hành kèm theo Thông tư số: 05/2020/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường TCSP, CĐSP và cơ sở giáo dục đại học.
- 11.22. Âm nhạc** **2TC**
 Điều kiện tiên quyết: không
 Nhạc lý cơ bản: Cao độ âm thanh, trường độ âm thanh, nhịp, phách, các loại nhịp, dấu hóa, hóa biểu, cung, quãng, điệu thức, gam, giọng, dịch giọng, hợp âm, sơ lược về hình thức và thể loại âm nhạc, các ký hiệu. Tập đọc nhạc: Tập đọc điệu thức trưởng, điệu thức thứ (từ 0 đến 1 dấu hóa).
- 11.23. Mỹ thuật** **2TC**
 Điều kiện tiên quyết: không
 Những vấn đề chung về nghệ thuật tạo hình. Kiến thức và kỹ năng thể hiện về luật xa gần, hình họa, màu sắc, tỷ lệ người, phóng tranh, tranh đề tài, tranh minh họa, tranh xé-cắt-dán, kẻ cắt chữ, nặn; trang trí trường lớp mầm non.
- 11.24. Văn học trẻ em** **2TC**
 Điều kiện tiên quyết: không
 Cung cấp một số kiến thức về văn học trẻ em từ sau cách mạng tháng 8 đến nay:
 - Những đặc trưng cơ bản của văn học trẻ em.
 - Sự hình thành và quá trình phát triển của văn học trẻ em Việt Nam.
 - Giới thiệu một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu.
 - Giới thiệu văn học trẻ em ở nước ngoài.
- 11.25. Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ** **2TC**
 Điều kiện tiên quyết: không
 Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về một số bệnh và các cách cấp cứu tai nạn thường gặp ở trẻ em. Trên cơ sở đó có những biện pháp chăm sóc và giáo dục trẻ một cách phù hợp.
- 11.26. Vệ sinh - Chăm sóc trẻ** **2TC**
 Điều kiện tiên quyết: Sự phát triển thể chất trẻ em
 Những kiến thức cơ bản về vệ sinh học: vi sinh vật, ký sinh trùng và các biện pháp phòng tránh; đại cương về nhiễm khuẩn, bệnh truyền nhiễm và miễn dịch, yêu cầu và chế độ

vệ sinh ở trường mầm non (vệ sinh về xây dựng; vệ sinh trang thiết bị; vệ sinh chăm sóc trẻ). Cung cấp những kiến thức lí giải vì sao những năm đầu đời quan trọng đối với trẻ; cách chăm sóc trẻ ngay từ trong bụng mẹ, những năm đầu tiên-từ khi sinh đến 6 tuổi. Tổ chức giáo dục thói quen vệ sinh, chăm sóc sức khỏe cho trẻ.

11.27. Dinh dưỡng trẻ em

2TC

Điều kiện tiên quyết: Sự phát triển thể chất trẻ em

Cung cấp kiến thức: Khái niệm về dinh dưỡng; dinh dưỡng hợp lý và tầm quan trọng của dinh dưỡng hợp lý; năng lượng và các chất dinh dưỡng cần thiết đối với cơ thể; một số bệnh thường gặp ở trẻ nhỏ do dinh dưỡng không hợp lý; giá trị dinh dưỡng của thực phẩm, cách sử dụng và chế biến các loại thực phẩm thông dụng; an toàn vệ sinh thực phẩm. Giáo dục dinh dưỡng và dinh dưỡng hợp lý theo lứa tuổi: Xây dựng khẩu phần ăn và thức ăn.

11.28. Tổ chức hoạt động giáo dục trải nghiệm cho trẻ

2TC

Điều kiện tiên quyết : Không

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Lí luận giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ mầm non, bao gồm: khái niệm, quy trình giáo dục theo hướng trải nghiệm, vai trò của trải nghiệm đối với giáo dục trẻ mầm non, các yếu tố ảnh hưởng đến việc giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ mầm non, các hình thức hoạt động của trẻ ở trường mầm non. Giới thiệu mô hình tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ mầm non; Hướng dẫn sử dụng mô hình giáo dục theo hướng trải nghiệm trong các hình thức hoạt động, với các lứa tuổi và các loại hình trường mầm non. Hướng dẫn sinh viên tổ chức các hoạt động giáo dục (hoạt động học, hoạt động vui chơi, hoạt động lao động, hoạt động tham quan, hoạt động lễ hội, hoạt động giao lưu) theo hướng trải nghiệm cho trẻ ở trường mầm non.

11.29. Giao tiếp với trẻ

2TC

Điều kiện tiên quyết: Tâm lý học trẻ em

Nội dung học phần bao gồm: Những vấn đề chung về giao tiếp: khái niệm, các loại giao tiếp, các thành tố và nguyên tắc giao tiếp, các kỹ năng giao tiếp. Giao tiếp và quá trình xã hội hóa của trẻ từ 0 đến 6 tuổi. Phát triển giao tiếp cho trẻ em dưới 3 tuổi, Phát triển giao tiếp cho trẻ mẫu giáo.

11.30. Giáo dục giới tính

2TC

Điều kiện tiên quyết: Sự phát triển thể chất trẻ em

Học phần cung cấp cho sinh viên những vấn đề cơ bản về giáo dục giới tính cho trẻ em: Mục tiêu, nội dung, phương pháp, biện pháp, hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục giới tính phù hợp với trẻ ngay từ độ tuổi mẫu giáo, giúp trẻ sớm tiếp thu những kiến thức về giới, từ đó có những hành vi, thái độ phù hợp, góp phần hình thành và phát triển nhân cách toàn diện, giúp trẻ biết nuôi dưỡng những phẩm chất tốt đẹp, ý thức trách nhiệm đối với bản thân và với người xung quanh.

11.31. Giáo dục hòa nhập

2TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục học mầm non

Nội dung học phần bao gồm: Những vấn đề chung về giáo dục hòa nhập: Khái niệm và một số quan điểm tiếp cận giáo dục hòa nhập, Các yếu tố và đặc điểm của giáo dục hòa nhập, Tính tất yếu của giáo dục hòa nhập, Xu thế của giáo dục hòa nhập; Giáo dục hòa nhập trẻ có nhu cầu đặc biệt trong trường mầm non; Thúc đẩy và hỗ trợ giáo dục hòa nhập cho trẻ có nhu cầu đặc biệt trong trường mầm non.

11.32. Giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ mầm non

2TC

Nội dung học phần bao gồm: Các vấn đề lý luận cơ bản; Khái niệm, các loại hành vi văn hóa; Quá trình hình thành và phát triển hành vi văn hóa, đặc điểm hành vi văn hóa của

trẻ mầm non; Nội dung, phương pháp giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ dưới 6 tuổi; Giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ đặc biệt.

11.33. Kỹ thuật hát và múa

2TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần trang bị cho sinh viên:

- Kỹ thuật ca hát cơ bản (sơ lược bộ máy phát âm, hơi thở - hơi thở ca hát; Kỹ thuật phát âm nhà chữ; Một số kỹ thuật hát: liền tiếng, nhanh, chậm, nảy âm; bài tập luyện thanh, tư thế ca hát thông thường); động tác giữ nhịp, dàn dựng bài hát; học các bài hát phù hợp với chương trình GDMN.

- Một số kỹ thuật cơ bản về nghệ thuật múa, nhập môn các động tác tay không, giới thiệu một số chất liệu múa cơ bản: các động tác múa mĩ, dân tộc H.Mông, Thái, Tày; các động tác trong chất liệu múa dân gian Việt Nam; các tổ hợp múa dân gian Việt Nam; Biên soạn và biên đạo các tiết mục múa độc lập, múa minh họa cho ca khúc ở trường Mầm non.

11.34. Tổ chức hoạt động vui chơi

2TC

Điều kiện tiên quyết: Tâm lý học trẻ em

Nội dung học phần bao gồm: Trò chơi trẻ em và công tác giáo dục hình thành, phát triển nhân cách của trẻ, Sự hình thành và phát triển hoạt động chủ đạo của trẻ em qua các giai đoạn lứa tuổi mầm non, Sự hình thành và phát triển các loại trò chơi của trẻ em lứa tuổi mầm non, Người lớn với sự hình thành và phát triển các loại trò chơi trẻ em, Tổ chức giờ chơi của trẻ ở trường mầm non.

11.35. Phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc

2TC

Điều kiện tiên quyết: Âm nhạc

Lý luận và thực hành của chương trình bộ môn hướng tới việc cung cấp và rèn luyện kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức môi trường giáo dục, tổ chức hoạt động và đánh giá khả năng hoạt động của trẻ bằng hệ thống các phương pháp, hình thức phù hợp với xu hướng phát huy tính tích cực của trẻ, đảm bảo nguyên tắc tiếp cận tích hợp với những nội dung sau:

- Cơ sở lý luận về vai trò của giáo dục âm nhạc ở trường Mầm non; Các phương pháp cơ bản và các hình thức tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ Mầm non; Vận dụng các phương pháp, hình thức tổ chức để thiết kế kế hoạch tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ ở Mầm non.

- Viết kịch ngày lễ và dàn dựng chương trình lễ hội ở trường mầm non.

11.36. Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình

2TC

Điều kiện tiên quyết: Mỹ thuật, làm đồ chơi cho trẻ

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản sau:

Đặc điểm hình thành và phát triển hoạt động tạo hình của trẻ em; vai trò của hoạt động tạo hình trong việc giáo dục toàn diện cho trẻ mầm non; mục đích, nhiệm vụ, nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non theo các độ tuổi.

Rèn luyện kỹ năng lập kế hoạch; xây dựng, tổ chức hoạt động giáo dục và đánh giá khả năng hoạt động tạo hình của trẻ mầm non theo hướng tiếp cận tích hợp và quan điểm lấy trẻ làm trung tâm.

11.37. Phương pháp giáo dục thể chất

2TC

Điều kiện tiên quyết: Sự phát triển thể chất trẻ em

Lý luận cơ bản về giáo dục thể chất cho trẻ mầm non: Nhiệm vụ, nội dung và phương tiện giáo dục thể chất; phát triển vận động chủ động cho trẻ lứa tuổi mầm non; phát triển các bài tập thể lực sáng tạo và tự lực của trẻ; cơ sở của việc dạy trẻ các thói quen và kỹ năng vận động; mối liên quan giữa phát triển các tố chất tâm vận động và thói quen vận động.

Nội dung và phương pháp dạy trẻ các bài tập vận động: Thể dục, trò chơi vận động, bài tập thụ động, bài tập chủ động, đội hình, đội ngũ, bài tập phát triển chung, vận động cơ bản; phương pháp tổ chức các hoạt động vận động của trẻ trong chế độ sinh hoạt tại trường mầm non. Xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và đánh giá hoạt động phát triển và giáo dục thể chất cho trẻ ở các cơ sở GDMN.

11.38. Phương pháp tổ chức hoạt động hình thành biểu tượng toán cho trẻ 2TC

Điều kiện tiên quyết: không

Những vấn đề lý luận cơ bản: Ý nghĩa và đặc điểm của việc hình thành các biểu tượng toán; mục đích, nhiệm vụ, nội dung, phương pháp, hình thức và điều kiện hình thành các biểu tượng toán cho trẻ trong GDMN.

Tổ chức các hoạt động hình thành biểu tượng toán: Tập hợp - số và phép đếm, hình dạng, kích thước, không gian và thời gian (lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và đánh giá).

11.39. Phương pháp tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen tác phẩm văn học 2TC

Điều kiện tiên quyết: Văn học trẻ em

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về đặc điểm cảm thụ và sáng tạo tác phẩm văn học của trẻ mầm non; vai trò và yêu cầu của các phương pháp dạy học, hình thức tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen tác phẩm văn học ở trường mầm non.

11.40. Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Nhiệm vụ, nội dung, phương pháp, biện pháp, hình thức và điều kiện phát triển ngôn ngữ và giao tiếp cho trẻ em. Tổ chức các hoạt động phát triển ngôn ngữ trong các cơ sở GDMN: Rèn luyện tai nghe và phát âm, phát triển vốn từ, dạy trẻ nói đúng ngữ pháp, nói mạch lạc, giáo dục văn hóa giao tiếp. Mục đích, nội dung, phương pháp, biện pháp và hình thức cho trẻ làm quen với đọc, viết. Lập kế hoạch, quan sát, đánh giá sự phát triển ngôn ngữ và giao tiếp của trẻ trong GDMN

11.41. Phương pháp hướng dẫn trẻ khám phá môi trường xung quanh 2TC

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung môn học bao gồm: Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức về phương pháp cho trẻ làm quen môi trường xung quanh (MTXQ) như nguyên tắc, yêu cầu, nội dung, phương tiện, điều kiện cho trẻ làm quen MTXQ; Các phương pháp, biện pháp và các hình thức tổ chức cho trẻ làm quen MTXQ. Rèn cho sinh viên kỹ năng hướng dẫn cho trẻ làm quen MTXQ.

11.42. Làm đồ chơi cho trẻ 2TC

Điều kiện tiên quyết: Mỹ thuật

Nội dung môn học bao gồm:

Những vấn đề chung về đồ chơi: cơ sở lý luận về đồ chơi, quy trình và kỹ thuật làm đồ chơi bằng các nguyên vật liệu khác nhau. Hướng dẫn thực hành làm đồ chơi: đồ chơi xây dựng, đồ chơi học tập, đồ chơi có chủ đề, đồ chơi sân khấu và âm nhạc, đồ chơi trang trí và hài hước; một số mẫu đồ chơi khác bằng vật dụng thiên nhiên, phế liệu.

11.43. Chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1 2TC

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức chung về việc chuẩn bị cho trẻ 5 tuổi vào lớp 1. Sinh viên biết được tất cả các hoạt động cơ bản của học sinh lớp 1 ở trường tiểu học. Sinh viên biết và hiểu các nội dung cần chuẩn bị cho trẻ 5 tuổi vào lớp 1.

11.44. Trải nghiệm thực tế 1TC

Điều kiện tiên quyết: không

Tổ chức cho sinh viên trải nghiệm thực tế nội tình với các nội dung: tìm hiểu một số di tích lịch sử, các công trình kiến trúc, điêu khắc, những danh lam, thắng cảnh, tìm hiểu

một số làn điệu dân ca, điệu múa... để hiểu thêm về lịch sử, đời sống văn hóa ở địa phương Phú Yên nói riêng và khu vực Nam Trung bộ nói chung. Qua đó giúp sinh viên có được những hiểu biết thực tiễn để bổ sung, hỗ trợ, phục vụ cho việc giảng dạy các phân môn ở trường mầm non.

11.45. Đàn phím điện tử

2TC

Điều kiện tiên quyết: Âm nhạc

Giúp sinh viên bước đầu làm quen và sử dụng được đàn phím điện tử làm phương tiện giảng dạy và giáo dục âm nhạc cho trẻ

11.46. Nghệ thuật tạo hình

2TC

Điều kiện tiên quyết: Mỹ thuật

Nội dung môn học bao gồm: Những kiến thức cơ bản về nghệ thuật tạo hình; từ khái niệm đến kiến thức cụ thể của từng phân môn như: Khái niệm về nghệ thuật tạo hình, luật xa gần; giải phẫu tạo hình; Hội họa, Đồ họa-Trang trí, Điêu khắc. Trang bị những cơ sở cho sinh viên học tốt phần làm đồ chơi cho trẻ và hướng dẫn hoạt động tạo hình.

11.47. Thẻ đục nhịp điệu cho trẻ mầm non

2 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Hình thành cho sinh viên các kỹ năng cơ bản về môn thẻ đục nhịp điệu; thực hiện tốt bài thẻ đục nhịp điệu cơ bản mẫu, hiểu luật và có thể biên soạn được bài thẻ đục nhịp điệu dành cho trẻ mầm non.

11.48. Giáo dục môi trường cho trẻ mầm non

2TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức chung về giáo dục môi trường và giáo dục môi trường cho trẻ mầm non. Các phương pháp, hình thức và điều kiện tổ chức giáo dục môi trường cho trẻ. Rèn cho sinh viên kỹ năng thiết kế và tổ chức các hoạt động giáo dục môi trường phù hợp với trẻ mầm non

11.49. Tâm lý học đại cương

2TC

Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác-Lênin.

Nội dung học phần bao gồm: Tâm lý học là một khoa học; Cơ sở tự nhiên và cơ sở xã hội của tâm lý người; Sự hình thành và phát triển tâm lý, ý thức; Hoạt động nhận thức; Tình cảm và ý chí; Trí nhớ; Nhân cách và sự hình thành, phát triển nhân cách.

11.50. Tâm lý học trẻ em

2TC

Điều kiện tiên quyết: Tâm lý học đại cương

Nội dung học phần bao gồm: Nhập môn tâm lý học trẻ em, Lịch sử phát triển tâm lý học trẻ em, Quy luật phát triển tâm lý của trẻ em, Đặc điểm phát triển tâm lý của trẻ em trong năm đầu (từ 2 đến 15 tháng tuổi), Đặc điểm phát triển tâm lý của trẻ ấu nhi (từ 15 đến 36 tháng tuổi), Các dạng hoạt động của trẻ mẫu giáo (từ 3 đến 6 tuổi), Đặc điểm phát triển tâm lý của trẻ mẫu giáo bé (từ 3 đến 4 tuổi), Đặc điểm phát triển tâm lý của trẻ mẫu giáo nhỡ (từ 4 đến 5 tuổi), Đặc điểm phát triển tâm lý của trẻ mẫu giáo lớn (từ 5 đến 6 tuổi).

11.51. Giáo dục học đại cương

2TC

Điều kiện tiên quyết: Tâm lý học đại cương

Nội dung học phần bao gồm: Đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp của GDMN; Giáo dục và sự phát triển nhân cách; Một số tư tưởng giáo dục trong lịch sử giáo dục thế giới; Mục đích, mục tiêu GDMN, Hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam.

11.52. Giáo dục học mầm non

3TC

Điều kiện tiên quyết: Tâm lý học trẻ em

Nội dung học phần bao gồm: Những vấn đề chung về chăm sóc và giáo dục trẻ em dưới 3 tuổi, Nguyên tắc chỉ đạo công tác chăm sóc và giáo dục trẻ ở trường mầm non, Chăm sóc và giáo dục trẻ trong năm đầu, Chăm sóc và giáo dục trẻ trong năm thứ hai,

Chăm sóc và giáo dục trẻ trong năm thứ ba, Giáo dục cho trẻ mẫu giáo, Hoạt động dạy học ở trường mẫu giáo, Hoạt động vui chơi của trẻ ở trường mẫu giáo, Tổ chức ngày hội, ngày lễ ở trường mẫu giáo, Chuẩn bị cho trẻ mẫu giáo vào lớp một tiểu học.

11.53. Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 1

1TC

Điều kiện tiên quyết: Tâm lý học trẻ em và Giáo dục mầm non

Nội dung bao gồm:

- Tìm hiểu, nghiên cứu tâm lý trẻ em, phong cách giao tiếp của người giáo viên mầm non; giải quyết các tình huống sư phạm liên quan đến trẻ em; chẩn đoán nhân cách nghề của bản thân và hướng hoàn thiện nhân cách nghề.

- Tìm hiểu về trường mầm non, chương trình, kế hoạch chăm sóc và giáo dục trẻ ở trường mầm non, lập kế hoạch cho công tác dự giờ ở trường mầm non, xây dựng và quản lý tập thể trẻ, nhóm trẻ, học tập kinh nghiệm về quản lý và giáo dục trẻ của người GVMN, lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động chăm sóc và giáo dục trẻ ở trường mầm non, nghiên cứu các giáo trình hướng dẫn về việc thực hiện công tác thực tập sư phạm.

11.54. Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 2

1TC

Điều kiện tiên quyết: Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 1

Củng cố và rèn luyện các kỹ năng cơ bản thuộc chuyên ngành đào tạo: kỹ năng viết chữ, sử dụng bảng phụ, kỹ năng đọc, kể chuyện, thiết kế giáo án điện tử trong các hoạt động giáo dục trẻ; Rèn luyện kỹ năng sử dụng hình ảnh, kỹ thuật hình – bóng trong tổ chức các hoạt động chăm sóc và giáo dục trẻ; Rèn luyện kỹ năng tổ chức các hoạt động chăm sóc và giáo dục trẻ theo độ tuổi.

11.55. Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 3

1TC

Điều kiện tiên quyết: Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 2

Thực hành chăm sóc và giáo dục trẻ khối nhà trẻ, mẫu giáo:

- Rèn kỹ năng chăm sóc và giáo dục trẻ (đón trẻ, trả trẻ, chăm sóc, vệ sinh cho trẻ, dinh dưỡng cho trẻ), dự giờ quan sát thực tế dạy học tại trường Mầm non.

- Tập giảng, rút kinh nghiệm.

11.56. Thực tập sư phạm tốt nghiệp 1

2TC

Thực hiện theo Quy định thực hành, thực tập của Trường Đại học Phú Yên.

11.57. Thực tập sư phạm tốt nghiệp 2

4TC

Điều kiện tiên quyết: Thực tập sư phạm 1.

Thực hiện theo Quy định thực hành, thực tập của Trường Đại học Phú Yên.

12. Danh sách giảng viên cơ hữu thực hiện chương trình

12.1. Danh sách giảng viên cơ hữu

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Học phần/môn học dự kiến đảm nhiệm
1	Trần Lăng, 1968, Phó Hiệu trưởng	GVC, 2006	TS, Việt Nam, 2014	Triết học	- Triết học Mác – Lê nin - Mỹ học và giáo dục thẩm mỹ
2	Đào Văn Phương, 1979, Giảng viên	GVC, 2020	TS, Việt Nam, 2018	Kinh tế chính trị	Kinh tế chính trị Mác– Lênin
3	Nguyễn Thị Trang, 1974, Trưởng Bộ môn Nguyên lý cơ bản CN Mac-Lênin	GV	Ths, Việt Nam, 2007	CNXHKH	Chủ nghĩa xã hội khoa học
4	Võ Thị Minh Duyên, 1972, Chủ tịch Hội đồng trường	GVC, 2011	Ths, Việt Nam, 2005	Lịch sử Việt Nam	- Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam - Đạo đức học
5	Trần Văn Tàu, 1975, Phó Trưởng khoa Khoa Lý luận chính trị	GVC, 2011	TS, Việt Nam, 2018	Lịch sử Việt Nam	Tư tưởng Hồ Chí Minh
6	Hồng Ái Nga, 1970, TBM Tiếng Anh không chuyên ngữ	GVC, 2011	Ths, Việt Nam, 2006	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh 1
7	Trần Lê Anh Thu, 1993, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2019	Anh văn	Tiếng Anh 2
8	Võ Thị Kim Thoa, 1968, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2008	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh 3
9	Võ Thị Ngọc Hoa, 1976, Phó Trưởng khoa Khoa học Xã hội và nhân văn	GVC, 2017	Ths, 2005 Việt Nam	Ngôn ngữ học đối chiếu	Tiếng Việt
10	Nguyễn Thị Liên, 1974, Phó trưởng khoa GDMN	GVC, 2011	Ths, Việt Nam, 2004	Ngôn ngữ	- Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ - Tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen tác phẩm văn học
11	Nguyễn Thị Phương, 1975, Trưởng phòng Hành chính – Quản trị	GVC, 2017	Ths, Việt Nam, 2005	Luật hành chính	Pháp luật đại cương
12	Dương Thị Oanh, 1986, Viên chức Phòng Quản lý chất lượng	GV	Ths, Việt Nam, 2016	Quản lý tài nguyên và môi trường	- Môi trường và con người - PP giáo dục môi trường cho trẻ

13	Nguyễn Đình, 1961, Phó Hiệu trưởng phụ trách	GV	TS, Việt Nam, 2008	Văn hóa học	Cơ sở văn hoá Việt Nam
14	Phan Thị Quỳnh Trâm, 1985, TBM. Khoa học tự nhiên	GV	TS, Nga, 2014	Công nghệ thực phẩm	Dinh dưỡng trẻ em
15	Đào Thị Kim Chi, 1990, Giảng viên Khoa Sư phạm	GV	Ths, Việt Nam,	Toán giải tích	- Cơ sở lý thuyết tập hợp và logic toán - Tổ chức hoạt động hình thành biểu tượng toán cho trẻ
16	Văn Thị Phương Như, 1972, Phó Trưởng khoa KHTN	GVC,2020	TS Việt Nam 2015	Vi sinh vật học	- Sự phát triển thể chất trẻ - Giáo dục giới tính cho trẻ
17	Trần Minh Cảnh, 1968, TBM. Khoa học máy tính	GVC,2020	Ths, Việt Nam, 2001	Khoa học máy tính	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản
18	Lê Đức Hiếu, 1980, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2001	GD Thể chất	Phương pháp Giáo dục thể chất cho trẻ
19	Phạm Minh Quang, 1989, Giảng viên	GV	ThS, Việt Nam, 2013	GD Thể chất	- Giáo dục thể chất 1, 2 - Thể dục nhịp điệu cho trẻ mầm non
20	Nguyễn Ngọc Sách, 1968, Giảng viên	GV	Cử nhân, Việt Nam, 1992	GD Thể chất	Giáo dục thể chất 3, 4
21	Trường Sĩ quan Thông tin				Giáo dục Quốc phòng-an ninh
22	Trần Thị Hồng Vân, 1972, Phó Trưởng khoa PT. Khoa Nghệ thuật	GV	Ths, Việt Nam, 2014	LLPPDH Âm nhạc	- Âm nhạc - Phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ
23	Nguyễn Thành Vinh, 1970, Giảng viên	GV	ThS Việt Nam, 2012	Nghệ thuật thị giác	- Mỹ thuật - Nghệ thuật tạo hình
24	Lê Thị Hoàng Diệp, 1986, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2018	GD Mầm non	- Vệ sinh - chăm sóc trẻ - Tổ chức hoạt động trải nghiệm cho trẻ
25	Châu Thị Hồng Nhựt, 1986, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2013	Giáo dục học	- Giáo dục hòa nhập - Giáo dục học mầm non
26	Nguyễn Xuân Thành, 1978, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2014	LLPPDH Âm nhạc	- Đàn phím điện tử
27	Phan Thị Lan, 1971, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2005	Tâm lý học & GDH	- Tâm lý học đại cương - Tổ chức hoạt động vui chơi
28	Tôn Nữ Cẩm Hường, 1989, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2012	Tâm lý học	- Giao tiếp với trẻ - Tâm lý trẻ em

29	Phan Thị Lan, 1971, TBM. Mỹ thuật	GV	Ths, Thái Lan, 2012	Nghệ thuật thị giác	- PP tổ chức hoạt động tạo hình - Làm đồ chơi cho trẻ
30	Huỳnh Thị Như Huyền, 1975, Giảng viên	GVC, 2011	Ths, Việt Nam, 2005	Ngôn ngữ học	- Phương pháp đọc, kể diễn cảm tác phẩm văn học - Chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1
31	Mai Thị Lê Hải, 1983, Trưởng bộ môn GD Tiểu học	GVC, 2020	TS, Việt Nam, 2020	GD Tiểu học	- Phương pháp hướng dẫn trẻ khám phá môi trường xung quanh
32	Nguyễn Thị Ái Thoa, 1981, Giảng viên	GVC, 2020	TS, Việt Nam, 2020	Văn học Việt Nam	- Văn học trẻ em
34	Nguyễn Hoài Uyên, 1981, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2018	Tâm lý học & GDH	- Giáo dục học đại cương - Giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ mầm non
35	Khoa GD Mầm non				Rèn luyện NVSP thường xuyên 1, 2, 3
36	Phan Thị Thanh Thúy, 1983, Giảng viên	GV	ThS, Việt Nam, 2018	GD phát triển cộng đồng	Kỹ thuật hát và múa

12.2. Danh sách giảng viên thỉnh giảng

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Học phần/môn học dự kiến đảm nhiệm
1	Nguyễn Thị Hương		Bác sĩ nhi khoa		Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ

13. Cơ sở vật chất phục vụ học tập

13.1. Các phòng thí nghiệm và các hệ thống thiết bị thí nghiệm quan trọng:

Trường Đại học Phú Yên có cơ sở vật chất tương đối hiện đại, đáp ứng nhu cầu đào tạo. Trường được quy hoạch thành khu vực với diện tích 25ha. Hiện tại, Nhà trường có 30 phòng học đạt chuẩn.

Các phòng học, phòng học chuyên dùng, phòng máy vi tính, các thiết bị và phương tiện dạy học được trang bị hiện đại đảm bảo phục vụ tốt cho công tác đào tạo chuyên ngành này.

- 1 Phòng dạy nấu ăn và 1 nhà ăn rộng 200m²
- 1 phòng dạy Mỹ thuật.
- 2 phòng dạy nhạc.
- 1 phòng dạy máy vi tính.
- 1 phòng thực hành Mầm non

13.2. Thư viện:

Thư viện Trường Đại học Phú Yên có đầy đủ các đầu sách thuộc các lĩnh vực khoa học cơ bản, khoa học giáo dục, lý luận chính trị - xã hội, trong đó có đủ sách giáo trình tham khảo cho chuyên ngành đào tạo.

Đầy đủ tài liệu để phục vụ cho việc giảng dạy và học tập (khoảng 10 nghìn đầu sách và 1236m² sử dụng).

13.3. Danh mục giáo trình chính của ngành đào tạo:

STT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm XB	Số bản	Sử dụng cho môn học, học phần
1	Giáo trình Triết học Mác – Lênin	Bộ GD&ĐT	Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội	2019		Triết học Mác - Lênin
2	Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Bộ GD&ĐT	Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội	2019		Kinh tế chính trị Mác - Lênin
3	Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học	Bộ GD&ĐT	Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội	2019		Chủ nghĩa xã hội khoa học
4	Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Bộ GD&ĐT	Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội	2019		Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
5	Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh	Bộ GD&ĐT	Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội	2019		Tư tưởng Hồ Chí Minh
6	New English File – Pre-intermediate (Student's book & Workbook)	Clive oxenden, Christina latham – Koenig, Paul Seligson	Oxford University Press	2005		Tiếng Anh 1, 2, 3
7	Tiếng Việt	Lê A (chủ biên)	Giáo dục	2007		Tiếng Việt
8	Giáo trình Pháp luật đại cương	Bộ Giáo dục & Đào tạo	ĐHSP, Hà Nội	2015		Pháp luật đại cương
9	- Cơ sở văn hoá Việt Nam - Cơ sở văn hoá Việt Nam	Trần Quốc Vượng (CB) Trần Ngọc Thêm	Giáo dục Hà Nội	1998 1999		Cơ sở văn hóa Việt Nam
10	Mỹ học đại cương	Đỗ Văn Khang	ĐHQG Hà Nội	2002		Mỹ học đại cương
11	Đạo đức học	PTS Phạm Khắc Chương; PGS, TS. Hà Nhật Thăng	Giáo dục	1998		Đạo đức học
12	Lý thuyết tập hợp và logic toán	TS. Lê Phương Thảo	ĐH Cần Thơ	2016		Cơ sở lý thuyết tập hợp và logic toán
13	- Giáo trình tin học đại cương - Tin Học Văn Phòng Microsoft Office	-Nhóm tác giả trường Đại học Kinh tế TP. HCM -Phạm Phương Hoa, Phạm Quang Hiến	- Lao động – Xã hội - Thời Đại	2012 2014		Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản
14	Giáo trình Thê dục	Trương Anh Tuấn	ĐHSP	2004		Thê dục
15	Giáo trình Điền kinh	Nguyễn Kim Minh	ĐHSP Hà Nội	2004		Điền kinh

16	Sách Giáo trình Cầu lông	Nguyễn Trọng Hải Đào Chí Thành	ĐHSP	2004	Cầu lông 1,2
17	Giáo trình Bóng chuyền	Nguyễn Viết Minh	ĐHSP	2003	Bóng chuyền 1,2
18	Bóng đá: Giáo trình CĐSP	TS Phạm Quang	ĐHSP	2003	Bóng đá 1,2
19	GT Văn học trẻ em	Lã Thị Bắc Lý	ĐHSP	2005	Văn học trẻ em
20	Giáo trình sinh lý trẻ	Nguyễn Thị Phi Loan, Nguyễn Thị Kiều Thu , Đỗ Trọng Đăng	ĐHPY	2012	Sự phát triển thể chất trẻ em
21	Giáo trình Mỹ thuật cơ bản	Ngô Bá Công	ĐHSP	2011	Mỹ thuật
22	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non	Lê Thị Mai Hoa (chủ biên)	Giáo dục	2008	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ
23	Dinh dưỡng trẻ em	Lê Thị Mai Hoa	ĐHSP	2008	Dinh dưỡng trẻ em
24	Giáo trình phương pháp chăm sóc vệ sinh trẻ em	PGS.TS Hoàng Thị Phương	ĐHSP	2010	Vệ sinh – Chăm sóc trẻ
25	Giáo dục hòa nhập	Trần Thị Hiệp, Nguyễn Xuân Hải, Lê Thị Thúy Hằng	Giáo dục	2008	Giáo dục hòa nhập
26	Giáo dục Âm nhạc, tập 1	Phạm Thị Hòa, Ngô Thị Nam	ĐHSP	2007	Âm nhạc
27	Tập đề cương bài giảng(chưa có giáo trình)				Đàn phím điện tử
28	Giao tiếp với trẻ em. Giáo trình kỹ năng giao tiếp	- Võ Duy Dân - Chu Văn Đức	Nhà in Phúc Yên, Hà Nội	2006 2005	Giao tiếp với trẻ
29	Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ ở trường Mầm non	Nguyễn Thị Thanh Hà	Giáo dục	2006	Tổ chức hoạt động vui chơi
30	Giáo dục âm nhạc, Tập 2	Phạm Thị Hòa	ĐHSP	2011	Phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc
31	PP tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ Mầm non	Lê Thanh Thúy	ĐHSP	2003	Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình
32	Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ	Đặng Hồng Phương	Giáo dục	2008	Phương pháp giáo dục thể chất
33	Giáo trình Phương pháp hướng dẫn trẻ mầm non làm quen với biểu toán ban đầu	Ths. Lê Thị Thanh Nga	Giáo dục	2003	PP tổ chức hoạt động hình thành biểu tượng toán cho trẻ

34	PP hướng dẫn trẻ làm quen tác phẩm văn học	Ngô Thái Sơn	Giáo dục	2006	PP tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen tác phẩm văn học
35	Giáo trình Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ Mầm non	Đinh Hồng Thái	Giáo dục	2008	Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ
36	Phương pháp cho trẻ khám phá khoa học về môi trường xung quanh	Hoàng Thị Oanh, Nguyễn Thị Xuân	Giáo dục	2009	Phương pháp hướng dẫn trẻ khám phá môi trường xung quanh
37	Giáo trình giảng dạy thể dục nhịp điệu	Bùi Ngọc Bích (chủ biên),	Đại học Sư Phạm Tp. Hồ Chí Minh.	2007	Thể dục nhịp điệu cho trẻ mầm non
38	Giáo trình mỹ thuật cơ bản	Ngô Bá Công	ĐHSP	2011	Nghệ thuật tạo hình
39	Tâm lý học đại cương	Nguyễn Quang Uẩn	Hà Nội	2004	Tâm lý học đại cương
40	Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non	Nguyễn Ánh Tuyết, Nguyễn Thị Như Mai, Đinh Thị Kim Thoa	ĐHSP	2004	Tâm lý học trẻ em
41	Giáo dục học đại cương	Bùi Thanh Huyền	Giáo dục	2006	Giáo dục học đại cương
42	- Giáo trình giáo dục học trẻ em - Giáo trình giáo dục học mầm non	- Trịnh Dân - Đinh Văn Vang	Giáo dục Giáo dục	2006 2008	Giáo dục học mầm non
43	Rèn luyện Nghiệp vụ sư phạm thường xuyên	Nguyễn Việt Bắc	Giáo dục	2007	Rèn luyện NVSPTX 1, 2, 3
44	Âm nhạc và múa	Lê Đức Sang, Hoàng Công Dụng, Trịnh Hoài Thu	Giáo dục	2008	Kỹ thuật hát và múa
45	Đồ chơi và cách làm đồ chơi cho trẻ	Nguyễn Lăng Bình (chủ biên)	Nhà in Tạp chí Cộng sản	1996	Làm đồ chơi cho trẻ
46	Tổ chức hoạt động giáo dục trải nghiệm cho trẻ mầm non	Hoàng Thị Phương	ĐHSP Hà Nội	2018	Tổ chức hoạt động giáo dục trải nghiệm cho trẻ
47	Giáo trình Giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ em	PGS. TS. Nguyễn Ánh Tuyết	NXB Giáo dục	2006	Giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ mầm non
48	Cần chuẩn bị những gì cho trẻ vào lớp một,	Trần Thị Ngọc Chúc	NXB tổng hợp TP HCM	2008	Chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1
49	Giáo dục môi trường cho trẻ mầm non	Hoàng Thị Phương	ĐHSP	2015	Giáo dục môi trường cho trẻ mầm non

13.4. Danh mục tài liệu tham khảo của ngành đào tạo

STT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm XB	Số bản	Sử dụng cho môn học, học phần
1.	Thực tập sư phạm của sinh viên năm thứ III hệ CĐSP	Phạm Trung Thanh	ĐHSP Hà Nội	2004		-TTSP
2.	Kiến tập và thực tập sư phạm (giáo trình đào tạo giáo viên THCS hệ CĐSP)	Nguyễn Đình Chính, Phạm Trung Thanh	Giáo dục	1998		-TTSP 1
3.	Thực tập sư phạm	Nguyễn Đình Chính	Giáo dục	1991		-TTSP
4.	Giáo trình nhạc lí phổ thông	Phạm Trọng Cầu	Giáo dục	1998		Âm nhạc
5.	Lý thuyết âm nhạc cơ bản	Phạm Tú Hương	Giáo dục	2000		Âm nhạc
6.	Hát 1	Ngô Thị Nam	ĐHSP	1995		Âm nhạc
7.	Múa dân tộc Việt Nam	TS. Lâm Tô Lộc	Văn hóa	1978		Múa và biên soạn động tác múa
8.	Khái niệm nghệ thuật múa	PTS Lê Ngọc Canh	Văn hóa thông tin	1997		Múa và biên soạn động tác múa
9.	Trẻ mầm non ca hát	Hoàng Văn Yên	Giáo dục	1995		Phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc
10.	Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức	PGS,PTS Nguyễn Thành Duy (chủ biên)	CTQG	1996		Tư tưởng Hồ Chí Minh
11.	Toán và PP hình thành các biểu tượng toán học cho trẻ Mẫu giáo (T1&T2)	Đinh Thị Nhung	ĐHSP	2003		Phương pháp TC hoạt động hình thành biểu tượng toán cho trẻ
12.	Giáo dục học Mầm non	Đào Thanh Âm (CB)	ĐHSP Hà Nội	2002		Giáo dục học mầm non
13.	Giáo dục học đại cương	Nguyễn Sinh Huy, Nguyễn Văn Lê	Giáo dục	2000		Giáo dục học đại cương
14.	Mỹ học và GD thẩm mỹ	Phạm Việt Hoa, Nguyễn T. Hoàng Yên	ĐHSP Hà Nội	2005		Mỹ học đại cương
15.	Giáo trình Mỹ học đại cương	Lê Ngọc Trà, Lâm Vinh, Huỳnh Như Phương	Giáo dục	2005		Mỹ học đại cương

16.	Tạo hình và PP hướng dẫn hoạt động tạo hình cho trẻ (Q2)	Đặng Hồng Nhật	ĐHQG HN	2006	Làm đồ chơi cho trẻ
17.	Tạo hình và phương pháp hướng dẫn hoạt động tạo hình (T1+2)	Nguyễn Lăng Bình, Nguyễn Xuân Hòa	Giáo dục	1996	Mỹ thuật Nghệ thuật tạo hình
18.	Tạo hình và PP hướng dẫn hoạt động tạo hình cho trẻ	Đặng Hồng	ĐHQGHN	2006	Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình
19.	Phương pháp tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen tác phẩm văn học	Hà Nguyễn Kim Giang	Giáo dục	2000	PP tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen tác phẩm văn học
20.	Các hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non	Bùi Kim Tuyền, Nguyễn Thị Cẩm Bích Luu Thị Lan	Giáo dục	2015	Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ
21.	Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non	Nguyễn Ánh Tuyết, Nguyễn Thị Như Mai, Đinh Thị Kim Thoa	ĐHSP	2002	Tâm lý học trẻ em
22.	Tâm lý trẻ em lứa tuổi mầm non	Bộ Giáo dục & Đào tạo Hà Nội	Hà Nội	2005	Tâm lý học trẻ em
23.	Lí luận & Phương pháp hướng dẫn trẻ làm quen với môi trường xung quanh	Hoàng Thị Phương	Giáo dục	2015	Phương pháp hướng dẫn trẻ khám phá môi trường xung quanh
24.	Phương pháp cho trẻ làm quen tác phẩm văn học	Bộ Giáo dục & Đào tạo	ĐH Quốc Gia Hà Nội	2006	PP tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen tác phẩm văn học
25.	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ	BS. Nguyễn Thị Phong	ĐHQG Hà Nội	2018	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ
26.	Tâm lý học đại cương	Nguyễn Quang Uẩn, Nguyễn Văn Lũy, Đinh Văn Vang	ĐSHP	2020	Tâm lý học đại cương
27.	Các hoạt động khám phá khoa học của trẻ mầm non	Trần Thị Ngọc Trâm, Nguyễn Thị Nga	Giáo dục VN	2005	PP hướng dẫn trẻ khám phá môi trường xung quanh
28.	Cơ sở Văn hóa Việt Nam	TS. Trần Diễm Thúy	ĐHQG TP. HCM	2015	Cơ sở văn hóa Việt Nam
29.	Mỹ học đại cương	Nguyễn Hoa Bằng	Giáo dục	2020	Mỹ học đại cương

30.	Tập hợp và logic toán	TS. Nguyễn Văn Hoàng	ĐH Thái Nguyên	2016	Cơ sở lý thuyết tập hợp và logic toán
31.	Vệ sinh – Dinh dưỡng	Lê Thị Mai Hoa	Giáo dục	2008	-Vệ sinh – Chăm sóc trẻ - Dinh dưỡng trẻ em
32.	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ	BS Nguyễn Thị Phong	ĐH Quốc Gia HN	2012	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ
33.	Giáo trình phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non	Nguyễn Quốc Toàn	NXB Đại học Sư phạm	2012	Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình
34.	Giáo dục tích hợp ở bậc học mầm non	Nguyễn Thị Hòa	NXB Đại học Sư Phạm	2013	Tổ chức hoạt động giáo dục trải nghiệm cho trẻ

14. Hướng dẫn thực hiện chương trình

Chương trình đào tạo này được áp dụng từ kỳ tuyển sinh 2021 cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non.

14.1. Thực hiện theo quy trình đào tạo hệ thống tín chỉ

- Đối với giảng viên:

+ Có trình độ theo đúng chuẩn chức danh nghề nghiệp, đảm bảo yêu cầu giảng dạy trình độ cao đẳng.

+ Trước khi giảng dạy học phần được nhà trường phân công, giảng viên cần công bố đề cương chi tiết học phần trong đó cần nêu rõ: nội dung trọng tâm, phương pháp học tập; giáo trình chính, tài liệu học tập và tham khảo để sinh viên có thể lựa chọn và chuẩn bị để học tập.

+ Thường xuyên đổi mới phương pháp dạy học theo định hướng phát triển năng lực của sinh viên.

+ Đánh giá thường xuyên và định kỳ bằng nhiều hình thức, theo đúng quy chế học vụ của Nhà trường; có phương án kiểm soát, đánh giá việc tự học của sinh viên nhằm nâng cao chất lượng dạy học.

- Đối với sinh viên:

+ Xác định mục tiêu, lập kế hoạch học tập cho từng học kỳ và cả khóa học.

+ Bám sát chương trình đào tạo, đề cương chi tiết; có các phương pháp học tập phù hợp cho từng học phần khác nhau.

+ Chủ động trong tự học, tự nghiên cứu khoa học; Chủ động phối hợp với cố vấn học tập, khoa quản lý các phòng chức năng trong thực hiện nhiệm vụ học tập của bản thân.

14.2. Định hướng phát triển năng lực sinh viên

- Tập trung phát triển năng lực chuyên môn, năng lực nghề nghiệp, năng lực tự học, năng lực bồi dưỡng chuyên môn và học tập suốt đời.

- Gắn kết lý thuyết và thực hành; tăng cường thực hành, thực tập tại các trường Mầm non.


- Phương pháp dạy học hướng vào việc tổ chức cho sinh viên học tập trong hoạt động và bằng hoạt động tự giác, chủ động và sáng tạo. Tăng cường sử dụng hình thức thảo luận, bài tập nghiên cứu, hợp tác nhóm học tập. Thông qua các học phần trong chương trình đào tạo rèn luyện cho sinh viên phương pháp tự học, kỹ năng giao tiếp và hợp tác nhóm.


14.3. Đảm bảo các điều kiện phục vụ đào tạo

Đảm bảo các điều kiện về phòng học, phòng thực hành: 1 phòng dạy Mỹ thuật; 2 phòng dạy nhạc; 1 phòng dạy múa; 1 phòng máy vi tính; Phòng Thực hành Mầm non; Đảm bảo giáo trình, tài liệu tham khảo tại Thư viện.

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

TRƯỞNG KHOA




Nguyễn Thị Liên

